



TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH HẢI PHÒNG
KHOA QUẢN TRỊ LỮ HÀNH - HƯỚNG DẪN DU LỊCH

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ HƯỚNG DẪN DU LỊCH
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2020

Phòng, tháng 11 năm 2020

NỘI DUNG CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH/NGHỀ HƯỚNG DẪN DU LỊCH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Ý nghĩa	TT	Viết tắt	Ý nghĩa
1	ĐCSVN	Đảng cộng sản Việt Nam	17	CSDN	Cơ sở dạy nghề
2	BLĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	18	CBGV	Cán bộ giáo viên
3	BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	19	DLHP	Du lịch Hải Phòng
4	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	20	HSSV	Học sinh sinh viên
5	UBND	Ủy ban nhân dân	21	CTGT	Chương trình, giáo trình
6	CĐ	Cao đẳng	22	CSVC	Cơ sở vật chất
7	TC	Trung cấp	23	CTK	Chương trình khung
8	SC	Sơ cấp	24	GTDN	Giáo trình dạy nghề
9	KĐCLDN	Kiểm định chất lượng dạy nghề	25	MH/MĐ	Môn học/Mô đun
10	KĐCL	Kiểm định chất lượng	26	QTLH-HDDL	Quản trị Lữ hành – Hướng dẫn du lịch

11	CSDN	CƠ SỞ DẠY NGHỀ	27	CN	CỬ NHÂN
12	NCKH	Nghiên cứu khoa học	28	BGH	Ban giám hiệu
13	CNVC	Công nhân viên chức	29	ĐTN	Đoàn thanh niên
14	SPKT	Sư phạm kỹ thuật	30	MĐ	Mô đun
15	TĐKT	Thi đua khen thưởng	31	MH	Môn học
16	ĐTN	Đoàn thanh niên			

PHẦN I.

GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin khái quát về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1 Tên Trường: Trường Cao đẳng Du lịch Hải Phòng

1.2 Tên Tiếng Anh : Haiphong College Tourism

1.3 Cơ quan chủ quản: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1.4 Địa chỉ Trường: Xã Nam Sơn - An Dương - Hải Phòng

1.5. Số điện thoại: 02253.552.322

1.6. Số Fax: 02253.859.336

1.7. Email: kiemdinhcddlhp@gmail.com

1.8. Website: www.hct.edu.vn

1.9 Năm thành lập Trường:

Năm thành lập trường Trung học nghiệp vụ: 2004

Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: 2007

Năm đổi tên thành lập trường Cao đẳng nghề Du lịch và Dịch vụ HP: 2008.

Năm đổi tên thành trường Cao đẳng Du lịch Hải Phòng: 07/02/2017

1.9 Loại hình Trường: Công lập ☒ Tư thục ☐

Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Trường Cao đẳng Du lịch Hải Phòng được thành lập trên cơ sở Trường Trung học Nghiệp vụ Du lịch Hải Phòng. Ngày đầu thành lập, Trường có trụ sở hoạt động tại số 8 Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng và trực thuộc sự quản lý của Tổng cục Du lịch. Trường có nhiệm vụ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực ở trình độ trung cấp trở xuống trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ. Do nhu cầu về nguồn nhân lực của ngành Du lịch, của thành phố Hải Phòng, với uy tín của Nhà trường, Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Du lịch Hải Phòng vào năm 2007, thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Năm 2009,

Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng nghề Du lịch và Dịch vụ Hải Phòng. Năm 2017, thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Du lịch Hải Phòng. Nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường là đào tạo và cung ứng nguồn lao động có chất lượng cao cho ngành du lịch, dịch vụ, đặc biệt là nhiệm vụ đào tạo thí điểm, trọng điểm cấp độ quốc tế đối với các ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch. Bên cạnh đó Nhà trường còn tổ chức nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn hoạt động của Trường; Tổ chức các hoạt động tư vấn, dịch vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao; Hợp tác liên kết với các cơ sở đào tạo, các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực du lịch và các lĩnh vực có liên quan đến du lịch nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo quy định của pháp luật...

Quá trình hoạt động và phát triển, Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động ngành du lịch hàng ngàn nhân lực chất lượng cao với 15 khóa đào tạo hệ trung cấp, 12 khóa đào tạo hệ cao đẳng và hàng ngàn học viên sơ cấp, ngắn hạn, đóng góp cho sự phát triển của du lịch Hải Phòng nói riêng cả ngành Du lịch trên cả nước nói chung. Nhiều học viên, học sinh, sinh viên của Nhà trường hiện nay là những nhân sự chủ chốt của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và dịch vụ trên cả nước.

Bên cạnh công tác đào tạo, Nhà trường còn tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ vào thực tiễn nghề nghiệp. Trường đã chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố và cấp Bộ. Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã được ứng dụng trong thực tiễn. Ngoài ra, Nhà trường còn là đơn vị chủ trì biên soạn nhiều tài liệu, nhiều chương trình khung dạy nghề được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành áp dụng trên phạm vi toàn quốc gia như: Chương trình đào tạo nghề Quản trị Nhà hàng, nghề Kỹ thuật chế biến món ăn; Bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề Dịch vụ Nhà hàng, Quản trị Lễ hành; Bộ ngân hàng tiêu chí đánh giá kỹ năng nghề quốc gia nghề Dịch vụ Nhà hàng, nghề Quản trị Lễ hành

Mục tiêu xây dựng, phát triển Trường đến năm 2025 trở thành Trường cao đẳng chất lượng cao, đào tạo, cung ứng nhân lực phục vụ sự nghiệp phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá đất nước và hội nhập Quốc tế.

Những thành tích nổi bật của Nhà trường:

- Năm 2018:

- + 09 tập thể thuộc Trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc
- + 02 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ
- + 01 tập thể, 01 cá nhân được tặng nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2012 – 2017.
- + 01 cá nhân được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và xã hội.
- + Tập thể cán bộ, giáo viên Nhà trường được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng.
- + Tập thể cán bộ, giáo viên Nhà trường được tặng Cờ thi đua của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Năm 2019:

- + Tập thể cán bộ, giáo viên Nhà trường được đề nghị tặng Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng
- + 06 tập thể thuộc Trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc
- + 02 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- + Tập thể cán bộ, giáo viên Nhà trường được đề nghị tặng Cờ thi đua của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- + 03 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

- Năm 2020:

- + Huân chương Lao động hạng 3, ngày 23/7/2020 của Chủ tịch nước.
- + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Thông tin khái quát về Khoa Quản trị Lữ hành - Hướng dẫn du lịch

2.1. Thông tin chung của đơn vị

- 2.1.1. Tên đơn vị: Khoa Quản trị Lữ hành Hướng dẫn du lịch
- 2.1.2. Tên Tiếng Anh: Travel management and Tour guilding Department
- 2.1.3. Địa chỉ đơn vị: Phòng 301 và 302 tầng 3, Khu hiệu bộ, Xã Nam Sơn - Huyện An Dương - Thành Phố Hải Phòng.

2.1.4. Số điện thoại: 02253.552.322

2.1.5. Fax: 02253.859.336

2.1.6. Email: kiemdinhcddlhp@gmail.com

2.1.7. Website: <http://hct.edu.vn/>

2.1.8. Năm thành lập đơn vị: 2008

2.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của khoa

Khoa Quản trị Lữ hành Hướng dẫn du lịch được thành lập năm 2005 mang tên Khoa Lữ hành Hướng dẫn thuộc Trường Trung học nghiệp vụ Du lịch Hải Phòng. Năm 2007 Nhà trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Du lịch Hải Phòng. Qua nhiều lần đổi tên Trường, đến năm 2018 Khoa Lữ hành Hướng dẫn được đổi tên thành Khoa Quản trị Lữ hành Hướng dẫn du lịch tại quyết định số 3483/QĐ - BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Du lịch Hải Phòng.

Khoa Quản trị Lữ hành - Hướng dẫn du lịch (QTLH-HDDL) được thành lập theo điều lệ của trường với chức năng nhiệm vụ:

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của Trường;
- Tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ các lớp ngắn hạn trên địa bàn Hải Phòng và các tỉnh lân cận;
- Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề khi được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;
- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy nghề;
- Quản lý tổ bộ môn cơ sở, các giáo viên và tham gia quản lý học sinh thuộc khoa được phân công quản lý, chủ nhiệm;
- Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Hiệu trưởng; đề xuất, xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy nghề;
- Phối hợp với các Phòng, Khoa, Trung tâm tổ chức các hoạt động đào tạo như: Tuyển sinh, coi thi, chấm thi, tổ chức cho sinh viên tham gia các hội thi....

+ Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Hiệu trưởng.

Từ khi thành lập đến nay, dưới sự chỉ đạo, định hướng của Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường, và sự phối kết hợp với các Phòng, Ban, Khoa/Tổ bộ môn chuyên môn khác, QTLH-HDDL thực hiện được những kết quả sau:

1. Giảng dạy các môn chuyên môn cho hai chuyên ngành Quản trị Lữ hành và Hướng dẫn du lịch đảm bảo đúng chương trình khung và chất lượng đào tạo.

2. Giảng dạy các môn cơ sở cho các ngành đào tạo của Trường theo đúng tiến độ, giáo án đầy đủ, đã áp dụng phân tích nghề và phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm trong quá trình giảng dạy.

3. Hàng năm khoa đều tiến hành rà soát, điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình dạy nghề.

4. Tích cực tham gia giảng dạy các lớp liên kết được tổ chức tại Thủy Nguyên, trường THPT Lý Thái Tổ, Lương Thế Vinh, An Hải, Lào Cai...

5. Tham gia giảng dạy lớp ngắn hạn: Bồi dưỡng hướng dẫn viên du lịch nội địa, quốc tế; Bồi dưỡng nghiệp vụ điều hành tour nội địa và quốc tế cho các học viên trên địa bàn và các tỉnh lân cận.

6. Tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn và phương pháp giảng dạy hiệu quả, áp dụng những phương pháp mới vào công tác giảng dạy chuyên môn.

7. Năm 2020, khoa tham gia xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia của nghề Quản trị du lịch Mice, Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật nghề Quản trị Lữ hành, Xây dựng chuẩn đầu ra nghề Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành.

8. Đến nay khoa đã đào tạo được 13 khóa hệ trung cấp nghề Hướng dẫn du lịch, 12 khóa cao đẳng Hướng dẫn du lịch và 10 khóa cao đẳng nghề Quản trị lữ hành.

Những thành tích của Khoa từ trong năm 2020

*** Thành tích của giảng viên:**

+ Tập thể:

- Tập thể lao động tiên tiến năm học 2019 – 2020;

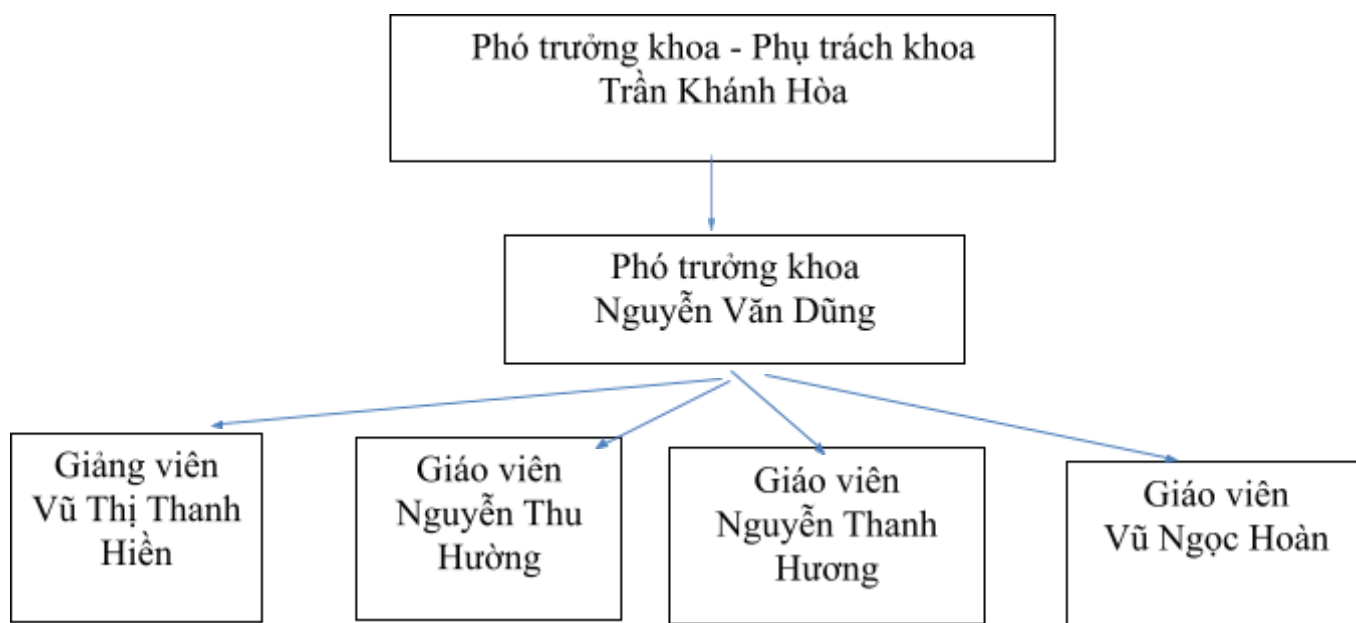
+ Cá nhân:

- Giảng viên Trần Khánh Hòa, giảng viên Nguyễn Thanh Hương: Giấy khen đã đạt danh hiệu “Giảng viên xuất sắc thực hiện hiện đào tạo thí điểm theo chương trình chuyển giao của Úc” theo quyết định số:

- Giảng viên Vũ Ngọc Hoàn được Thành đoàn thành phố Hải Phòng tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm 2020 theo quyết định số; Giấy khen đã có thành tích trong công tác đoàn và phong trào thanh niên năm 2020 của Trung ương Đoàn, đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 2020.

2.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của khoa

2.3.1. Cơ cấu tổ chức



2.3.2. Danh sách cán bộ, giáo viên trong khoa

Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Lãnh đạo đơn vị (bao gồm cấp trưởng và cấp phó)			
Trần Khánh Hòa	1982	Ths. Văn hóa học	Phó trưởng khoa - Phụ trách khoa
Nguyễn Văn Dũng	1982	Ths. Quản trị kinh doanh	Phó trưởng khoa

Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
2. Các giáo viên trong khoa			
Vũ Thị Thanh Hiền	1979	Ths. Quản trị kinh doanh	Giáo viên
Nguyễn Thu Hường	1987	CN. Văn hóa du lịch	Giáo viên
Vũ Ngọc Hoàn	1987	CN. Văn hóa du lịch	Giáo viên
Nguyễn Thanh Hương	1989	Ths. Văn hóa học	Giáo viên
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn			
Trần Khánh Hòa	1982	Ths. Văn hóa học	Đảng viên
Nguyễn Văn Dũng	1982	Ths. Quản trị kinh doanh	Đảng viên
Vũ Ngọc Hoàn	1987	CN. Văn hóa du lịch	Đảng viên, Phó Bí thư đoàn TN trường, Bí thư đoàn TN khoa
Nguyễn Thanh Hương	1989	Ths. Văn hóa học	Đảng viên Phó Bí thư Đoàn TN trường
Vũ Thị Thanh Hiền	1979	Ths. Quản trị kinh doanh	Đảng viên UV BCH Công đoàn trường - Tổ trưởng tổ công đoàn số 3

2.3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của đơn vị (tính đến thời điểm đánh giá)

(Tổng số bao gồm cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kỹ thuật, tạp vụ... bao gồm cả những người đã ký hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm)

- Nam: 2

- Nữ: 04

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ		0	
Thạc sĩ	01	03	04
Đại học	01	01	02
Cao đẳng		0	
Trung cấp			
Công nhân bậc 5/7 trở lên			
Trình độ khác			
Tổng số	02	04	06

2.4. Cơ sở vật chất

2.4.1. Hạng mục, công trình do khoa quản lý

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú (đang xây dựng hoặc đã hoàn thành)
1	Văn phòng (Phòng 301)	40m ²	01	Đã hoàn thành
2	Văn phòng (Phòng 302)	19,5m ²	01	Đã hoàn thành
3	Phòng học TH (Phòng 106, 107)	60m ²	02	Đã hoàn thành

2.4.2. Trang thiết bị do khoa quản lý

* Phòng làm việc

1. Phòng 301

ST T	Tên tài sản	Mã số TS	Số lượng
1.	Điều hoà	00459	1
2.	Máy in	00454	1
3.	Máy vi tính	00476	1
4.	Máy vi tính	01912	1
5.	Máy vi tính để bàn DELL	13422	1
6.	Bàn EU	CCDC000641	2
7.	Bàn làm việc	CCDC000642	4
8.	Điện thoại	CCDC000297	1
9.	Ghế EU nhựa xanh có tựa	CCDC000341	1
10	Ghế gấp	CCDC000339	4
11	Ghế xoay	CCDC000340	2
12	Quạt cây có điều khiển từ xa	CCDC000143	1
13	Quạt treo tường	CCDC000144	2
14	Switch 8 cổng PLANET (GSD-803)	CCDC000733	1
15	Tủ cá nhân	CCDC000438	1

2. Phòng 302

ST T	Tên tài sản	Mã số TS	Số lượng
1.	Máy in	01883	1

2.	Máy tính xách tay HP 440 G6	30546.05	1
3.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	506	1
4.	Máy vi tính để bàn dùng cho học viên	13438	1
5.	Bàn EU	CCDC000641	1
6.	Bàn học sinh Hòa Phát	CCDC000675	1
7.	Bàn làm việc	CCDC000642	1
8.	Bàn làm việc	CCDC000643	2
9.	Bàn vi tính	CCDC000645	1
10	Bảng phooc	CCDC000539	1
11	Điện thoại	CCDC000298	1
12	Ghế gấp	CCDC000339	1
13	Ghế gấp	CCDC000342	2
14	Ghế xoay	CCDC000343	1
15	Ghế xoay	CCDC000347	1
16	Quạt cây	CCDC000145	1
17	Quạt treo tường	CCDC000146	1
18	Quạt treo tường có điều khiển L16006	CCDC000117	1
19	Tủ cá nhân	CCDC000438	1
20	Tủ tài liệu	CCDC000451	1
21	USB 3G	CCDC000057	1

II. Phòng thực hành

1. Phòng 106

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG (chiếc, bộ)	GHI CHÚ
1.	Amply kèm trộn phục vụ giảng dạy	A30543.13	1
2.	Bộ micro không dây phục vụ giảng dạy	A30534.12	1
3.	Máy chiếu Mitsubishi	12705	1
4.	Máy in	00342	1
5.	Máy in	CCDC002293	1
6.	Máy in HP M402D	509	1
7.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.01	1
8.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.02	1
9.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.03	1
10.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.04	1
11.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.05	1
12.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.06	1
13.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.07	1
14.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.08	1

15.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.09	1
16.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.10	1
17.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.11	1
18.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.12	1
19.	Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3650	501.13	1
20.	Bàn ghế giáo viên	CCDC000699	1
21.	Bàn khung sắt mặt gỗ CN có ngăn: 1.2*0.5*0.75	CCDC001847	15
22.	Bảng	CCDC000553	1
23.	Ghế học sinh (ghế xoay mặt nhựa)	CCDC001846	30
24.	Loa treo tường phục vụ giảng dạy	CCDC001848	4
25.	Màn chiếu treo tường	CCDC000191	1
26.	Quạt trần	CCDC000192	6
27.	Bản đồ hành chính thế giới khổ to	CCDC000807	1
28.	bản đồ hành chính Việt nam khổ to	CCDC000808	1
29.	Bàn ghế giáo viên	CCDC000692	1
30.	Bàn ghế học sinh	CCDC000752	11

31.	Bàn khung sắt mặt gỗ CN có ngăn: 1.2*0.5*0.75	CCDC001847	18
32.	Bàn tiệc (Buffet)	5	6
33.	Bảng	CCDC000574	1
34.	Bảng nhung ghim tài liệu	CCDC000809	1
35.	Flip chart	CCDC000815	2
36.	Ghế EU nỉ xanh	208	25
37.	Ghế học sinh (ghế xoay mặt nhựa)	CCDC001846	36
38.	Loa treo tường phục vụ giảng dạy	CCDC001848	4
39.	Màn chiếu treo tường	CCDC000183	1
40.	Moderm Wifi TPlink	92	1
41.	Quạt trần	CCDC000184	4
42.	Thùng rác tại quầy lễ hành	CCDC000688	1

2. Phòng 107

STT	Tên tài sản	Mã số TS	Số lượng
1.	Amplify kèm trộn phục vụ giảng dạy	A30548.13	1
2.	Bộ micro không dây phục vụ giảng dạy	A30539.12	1
3.	Máy chiếu NEC V303G	513.03	1
4.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14689	1
5.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14692	1
6.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14693	1
7.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14695	1
8.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14696	1
9.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14698	1
10.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14700	1
11.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14701	1
12.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14703	1
13.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14705	1
14.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14706	1
15.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14707	1
16.	Amplify kèm trộn phục vụ giảng dạy	A30549.13	1
17.	Bộ micro không dây phục vụ giảng dạy	A30540.12	1
18.	Máy chiếu Casio kèm màn chiếu điện	30534.03	1

19.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14684	1
20.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14685	1
21.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14687	1
22.	Máy vi tính để bàn Lenovo	14688	1
23.	Bàn ghế giáo viên	CCDC000701	1
24.	Bảng	CCDC000569	1
25.	Loa treo tường phục vụ giảng dạy	CCDC001848	4
26.	Màn chiếu treo tường	CCDC000193	1
27.	Quạt trần	CCDC000194	6
28.	Bàn dài EU	164	3
29.	Bản đồ thế giới treo tường 1600*2400	CCDC000689	1
30.	Bản đồ Việt Nam treo tường 1600*2400	CCDC000690	1
31.	Bàn ghế giáo viên	CCDC000690	1
32.	Bàn học sinh Hoà Phát	CCDC000692	3
33.	Bàn khung sắt mặt gỗ CN có ngăn: 1.2*0.5*0.75	CCDC001847	18
34.	Bàn phục vụ bạn đọc 2 chỗ	CCDC000629	8
35.	Bảng	CCDC000563	1
36.	Bảng LED niêm yết tỷ giá ngoại tệ	CCDC000684	1
37.	Bảng nhung ghim tài liệu	CCDC000809	1
38.	Bảng thông báo các loại thẻ tín dụng được chấp nhận	CCDC000685	1

39.	Biển đón đoàn tay cầm bằng inox	CCDC000732	3
40.	Bóp quản lý tiền	CCDC000811	3
41.	Bút chỉ bảng	CCDC000812	2
42.	Bút chỉ Laser Logitech R400	CCDC000693	3
43.	Camping, lều trại du lịch loại nhỏ	CCDC000813	10
44.	Camping, lều trại du lịch loại to	CCDC000814	5
45.	Đầu đĩa DVD D530/XV	CCDC000241	1
46.	Đèn Laser	CCDC000242	1
47.	Điện thoại Panasonic KX-TS500	CCDC000687	3
48.	Đồng hồ treo tường	CCDC000683	5
49.	Flip chart	CCDC000815	2
50.	Ghế gấp	CCDC000321	3
51.	Ghế gấp	CCDC000328	2
52.	Ghế gấp	CCDC000381	8
53.	Ghế học sinh (ghế xoay mặt nhựa)	CCDC001846	36
54.	Ghế phục vụ bạn đọc Hoà phát	CCDC000407	6
55.	Ghế phục vụ bạn đọc Hoà phát	CCDC000409	7
56.	Ghế xoay	CCDC000397	3
57.	Giá đựng Brochure	CCDC000686	1
58.	Giá thanh inox 4 tầng 1(KT 1000x500x1500mm)	CCDC000935	2

59.	La bàn chỉ đường	CCDC000002	2
60.	La bàn chỉ đường	CCDC000694	1
61.	Loa cầm tay ER 1215	CCDC000100	3
62.	Loa treo tường phục vụ giảng dạy	CCDC001848	2
63.	Màn chiếu treo tường	CCDC000181	1
64.	Máy tính cá nhân Casio	CCDC000244	2
65.	Quạt trần	CCDC000115	2
66.	Quạt trần	CCDC000182	2
67.	Quầy lễ hành BLT01 TACO 2400*750*750-1100mm (bao gồm 02 hộc di động)	CCDC000708	1
68.	Tạp chí, bảng biểu, bản đồ du lịch	CCDC000691	1
69.	Thiết bị âm thanh di động không dây đeo bụng USB, SD Card V - 809	CCDC000101	3
70.	Thiết bị âm thanh di động không dây đeo bụng USB, SD card V809	CCDC000080	5
71.	Thùng đựng rác cất hoa quả Dung tích: 20 lít	CCDC002205	3
72.	Thùng rác tại quầy lễ hành	CCDC000688	2
73.	Tủ tài liệu	CCDC000471	1
74.	Túi ngủ đi rừng	CCDC000816	5
75.	Túi y tế	CCDC000817	2
76.	Võng dù Duy Lợi	CCDC000770	15

3. Thông tin về Chương trình đào tạo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HỆ CAO ĐẲNG

Tên ngành, nghề: Hướng dẫn du lịch

Mã ngành, nghề: 6810103

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Hướng dẫn du lịch có năng lực tổ chức thực hiện chương trình du lịch và phục vụ khách theo các chương trình du lịch: chuẩn bị và tổ chức thực hiện chương trình; xây dựng bài thuyết minh và thực hiện thuyết minh; quản lý đoàn khách và hướng dẫn tham quan; có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch; có phẩm chất chính trị, có đạo đức, tư cách tốt, yêu nghề; có sức khỏe tốt, có khả năng sáng tạo thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ; có khả năng tự làm việc, tự tạo việc làm hoặc học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

- + Trình bày được những kiến thức về lịch sử, văn hóa, địa lý, tuyến điểm du lịch trong hoạt động tổ chức tham quan.
- + Xác định được các bước xây dựng bài thuyết minh.
- + Trình bày được các bước hướng dẫn tham quan tại điểm, trên tuyến.
- + Mô tả được quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch.
- + Giải thích được các bước xây dựng và quản lý điều hành chương trình du lịch.
- + Thông hiểu những quy định về thủ tục xuất nhập cảnh.

- + Xác định được cách thiết lập và duy trì mối quan hệ với các đối tác, chăm sóc khách hàng.

- Kỹ năng:

- + Vận dụng kiến thức về lịch sử, văn hóa, địa lý, tuyến điểm du lịch trong xây dựng bài thuyết minh và thuyết minh cho khách theo chương trình du lịch cụ thể.

- + Xây dựng được bài thuyết minh theo chương trình du lịch phù hợp với nhu cầu của khách.

- + Thực hiện hướng dẫn tham quan tại điểm và trên tuyến theo đúng quy trình.

- + Tổ chức thực hiện chương trình du lịch theo trình tự các bước: Nhận bàn giao chương trình du lịch; Chuẩn bị thực hiện chương trình du lịch; Tổ chức đón và tiễn khách; Tổ chức phục vụ khách theo chương trình (thuyết minh, lưu trú, tham quan, ăn uống, vui chơi giải trí.....); Xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh; Tổng kết, đánh giá và giải quyết các công việc sau chuyến đi.

- + Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các đối tác, chăm sóc khách hàng.

- + Tổ chức thành công các hoạt động hoạt náo trong quá trình thực hiện chương trình du lịch.

- + Giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, đối tác và khách du lịch.

- + Ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ phục vụ công việc.

- + Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ của VN

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Chấp nhận áp lực công việc, thích nghi với môi trường làm việc thường xuyên có sự thay đổi.

- + Tôn trọng khách hàng, quan tâm chăm sóc và thuyết phục được khách hàng.

- + Hợp tác với đồng nghiệp và đối tác.

- + Trung thực, chủ động khắc phục khó khăn trong công việc.

- + Linh hoạt trong xử lý tình huống

- + Trau dồi kiến thức, học hỏi tích lũy kinh nghiệm

- + Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm

- Kiến thức pháp luật, phẩm chất chính trị theo quy định chung

+ Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức, trách nhiệm công dân, văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật.

+ Thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh du lịch.

+ Tuân thủ và thực hiện theo Luật du lịch.

+ Thực hiện nội quy, quy định của doanh nghiệp.

+ Có đạo đức tốt, yêu nghề và lương tâm nghề nghiệp; sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hoá dân tộc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng đảm nhiệm các vị trí công việc sau:

- + Hướng dẫn viên/thuyết minh viên tại điểm tham quan,
- + Hướng dẫn viên địa phương,
- + Hướng dẫn viên toàn tuyến,
- + Trưởng nhóm hướng dẫn viên,
- + Quản lý nghiệp vụ hướng dẫn
- + Nhân viên chăm sóc khách hàng,
- + Trưởng bộ phận hướng dẫn

Tại các các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch, các điểm tham quan như các điểm di tích lịch sử văn hóa, các bảo tàng, nhà trưng bày, triển lãm..., các cơ quan tổ chức liên quan hoạt động du lịch.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun : 25
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.265 giờ
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.830 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 656 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1609

giờ

-Thời gian khóa học: 2,5 năm

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ, HP	Tên mô đun, môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng g số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	156	256	23
MH 01	Chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng an ninh	4	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh cơ sở	4	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	71	1830	500	1274	56
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	8	135	112	15	8
MH 07	Tổng quan du lịch	2	30	28	0	2
MH 08	Giao tiếp trong du lịch	2	45	28	15	2
MH 09	Marketing du lịch	2	30	28	0	2
MH 10	Bảo vệ môi trường và PTDL bền vững	2	30	28	0	2
II.2	Các MH, MĐ chuyên môn nghề	63	1695	388	1259	48
MH 11	Đại cương lịch sử Việt Nam	4	60	41	15	4
MH 12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	60	41	15	4

MH 13	Di tích kiến trúc nghệ thuật Việt Nam	3	45	37	5	3
MH 14	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	5	90	43	42	5
MH 15	Văn hóa ẩm thực	3	45	32	10	3
MH 16	Các dân tộc Việt Nam	3	45	32	10	3
MĐ 17	Tiếng Anh giao tiếp	2	60	15	43	2
MĐ 18	Tiếng Anh chuyên ngành HDDL	5	120	30	86	4
MĐ 19	Xây dựng chương trình du lịch	5	105	22	78	5
MĐ 20	Hướng dẫn tham quan tại điểm	3	90	15	73	2
MĐ 21	Hướng dẫn tham quan trên phương tiện	7	210	10	194	6
MĐ 22	Tổ chức thực hiện chương trình du lịch	3	90	20	67	3
MĐ 23	Tổ chức hoạt náo	2	45	15	28	2
MĐ 24	Thực hành n.vụ hướng dẫn tại cơ sở 1	7	315	20	294	1
MĐ 25	Thực hành n.vụ hướng dẫn tại cơ sở 2	7	315	15	299	1
Tổng cộng			90	2265	656	1530

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động ngoại khóa

- Quá trình đào tạo cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa như văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại để tăng cường khả năng giao tiếp cho sinh viên. Ngoài ra cần trang bị các đầu sách, giáo trình tại thư viện để phục vụ quá trình nghiên cứu các kiến thức chuyên môn;

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

TT	Nội dung	Thời gian
----	----------	-----------

1.	Phổ biến quy chế đào tạo, nội quy của trường và lớp học	Sau khi nhập học
2.	Thăm quan thực tế	Sau khi nhập học và liên tục mỗi năm học 1 lần
3.	Tự học, đọc, tra cứu sách, tài liệu tại thư viện theo yêu cầu của giáo viên và nhu cầu nâng cao năng lực của bản thân	Ngoài giờ lên lớp của tất cả các ngày trong tuần
4.	Thể dục, thể thao	5 – 6 giờ, 17 – 18 giờ hàng ngày
5.	Văn hóa, văn nghệ và các hoạt động đoàn thể	Các ngày lễ trong năm: khai giảng năm học mới, 20/11, thành lập Đảng, đoàn,...

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

- Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức hai kỳ thi: một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô đun; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học, mô đun hoặc có môn học, mô đun có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính. Ngoài ra, Nhà trường có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi.

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun có thể là thi trắc nghiệm, viết, vấn đáp, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa một hoặc nhiều các hình thức trên.

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định.

- Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần; trong kỳ thi, từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học.

- Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học, mô-đun tỷ lệ thuận với số giờ của môn học, mô đun đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập; tất cả các môn học, mô đun phải

bố trí giáo viên hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi phải được công bố cho người học ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi.

- Danh sách người học đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày thi môn học, mô đun ít nhất 05 ngày làm việc; danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được công khai trước ngày thi kết thúc môn học, mô đun từ 1 - 2 ngày làm việc.

- Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giáo viên coi thi và không bố trí quá 50 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo số báo danh; đối với hình thức thi khác, Hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác.

- Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến ít nhất về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc lựa chọn bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản.

- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô đun, học phần phải được quy định trong chương trình chi tiết của môn học, mô đun.

4.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Trắc nghiệm/Tự luận	60 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Môn thi lý thuyết nghề: MĐ 20, MĐ 21, MĐ 22	Trắc nghiệm/Tự luận	90 phút
	- Môn thi thực hành nghề: MĐ 20, MĐ 21, MĐ 22	Bài thi thực hành	45 phút/sinh viên

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định của trường.

4.4. Các chú ý khác

Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung thực hành nghề tại cơ sở.

- Thực hành nghề Hướng dẫn du lịch tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế.

- Nội dung thực hành nghề Hướng dẫn du lịch tại cơ sở bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

- Có thể phân bổ nội dung thực hành nghề Hướng dẫn du lịch tại cơ sở theo ba hướng sau:

+ Người học thực hành tại các doanh nghiệp du lịch... có công việc phù hợp với nghề nghiệp. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn (có thể là người có kinh nghiệm trình độ đang làm việc tại các cơ sở) hướng dẫn người học;

+ Thực hành các nghiệp vụ hướng dẫn (*có giáo viên hướng dẫn*) theo chương trình thực tế tại các tuyến điểm du lịch; hoặc tại phòng thực hành của nhà trường, các cơ sở do nhà trường liên kết, thỏa thuận;

+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức và phân bổ thời gian thực hành tại cơ sở tùy điều kiện của Nhà trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở hoặc chia thành các đợt thực hành nhưng phải đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ Công văn số 366/TCDN-KĐCL ngày 30/3/2016 của Tổng cục dạy nghề về việc hướng dẫn các cơ sở dạy nghề thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2016;

- Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CĐDLĐVHP ngày 12 /5/2016 của Hiệu trưởng Nhà trường về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề;

- Căn cứ Kế hoạch số 442/KH-CĐDLHP ngày 18/10/2017 của Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề Trường Cao đẳng Du lịch Hải Phòng về Kế hoạch Thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2017;

- Căn cứ Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình thực hiện kiểm định dạy nghề;

- Căn cứ Hướng dẫn đánh giá các chỉ số kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề của Tổng cục Dạy nghề tại Công văn số 754/TCDN-KĐCL ngày 12/5/2014.

- Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá chương trình – giáo trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy nghề Hướng dẫn du lịch.

Xác định mức độ thực hiện mục tiêu của chương trình đào tạo.

Đánh giá mức độ đáp ứng điều kiện học tập của sinh viên, giảng dạy của giảng viên, dịch vụ cho người học.

Xác định mức độ đạt được của đơn vị thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Phát hiện những điểm mạnh, điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, góp phần xây dựng Nhà trường trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao.

Là cơ sở cho hoạt động cải thiện chất lượng đào tạo, chuẩn hoá các hoạt động đào tạo nghề Hướng dẫn du lịch của Nhà trường.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Các thông tin, phân tích đánh giá cần rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng của đơn vị. Các nội dung đánh giá có minh chứng phù hợp để chứng minh.

Ngôn ngữ mô tả dễ hiểu, văn phong rõ ràng, mạch lạc. Không có lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp.

Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu các chỉ số trong bộ Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phục vụ quá trình đánh giá.

Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động đào tạo nghề Hướng dẫn du lịch và tìm những chứng cứ để chứng minh nội hàm chỉ số.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến cán bộ quản lý, giảng viên, người học và người sử dụng lao động.

Mô tả, làm rõ thực trạng của hoạt động đào tạo nghề Hướng dẫn du lịch, phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Các bước tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cụ thể như:

Bước 1: Xây dựng kế hoạch tự kiểm định;

Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động đào tạo và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình của nghề HDDL.

Bước 3: Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo được đánh giá.

Bước 4: Viết dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề HDDL, gửi các đơn vị để lấy ý kiến.

Bước 5: Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề HDDL và gửi Hội đồng tự đánh giá của Trường.

Bước 6: Hoàn thiện báo cáo kết quả tự đánh giá theo ý kiến Hội đồng tự đánh giá.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt
	Tổng điểm	100	98
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính;	6	6
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được		2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.		
2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.		2
3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.		2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo;	14	12
1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.		0
2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.		2
3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		2
4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị		2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.		2
6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.		2
7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.		2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên;	16	16
1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.		2
2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.		2
3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.		2
4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.		2
5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.		2
6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.		2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.		2
8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.		2
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình;	24	24
1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.		2
2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.		2
3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.		2
4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.		2
5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.		2
6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.		2
7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.		2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.		2
9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.		2
10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.		2
11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.		2
12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện;	16	16
1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.		2
2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.		2
3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.		2
4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.		2
6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		2
7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.		2
8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.		2
6	Tiêu chí 6 – Dịch vụ cho người học	8	8
1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.		2
2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.		2
3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin		2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.		
4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.		2
7	Tiêu chí 7 – Giám sát, đánh giá chất lượng;	16	16
1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		2
2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		2
3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.		2
4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.		2
5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.		2
6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện,		2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).		
7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		2
8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.		2